

Bản án số: 784/2024/DS-PT

Ngày: 18-09-2024

V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ”.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 và ngày 18 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **211/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về** “Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: **144/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang** bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1940/2024/QĐPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thanh Kim H**, sinh năm 1956; bà **Huỳnh Thanh Thu C**, sinh năm 1968; cùng cư trú: **tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang** (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà **C**: Luật sư **Nguyễn Cảnh T**, Công ty **L1**, Đoàn luật sư **Thành phố H**; địa chỉ: **Tầng C, 6 H, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Ngọc Bình T1**, sinh năm 1961; nơi cư trú: **số D Y, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang** (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **T1**: Luật sư **Nguyễn Trường S** – Chi nhánh Văn phòng luật sư **Nguyễn Văn T2**, Đoàn Luật sư **T**; địa chỉ: **số B (tầng trệt) Bùi Thị X, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Huỳnh Thị K**, sinh năm 1950; nơi cư trú: **tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang** (xin vắng mặt).

2. Bà **Huỳnh Thanh Bạch T3**, sinh năm 1959;

Người giám hộ cho bà T3: ông Phan Huỳnh P, sinh năm 1985; Nơi cư trú: số nhà A, đường B, tổ F, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (theo trích lục đăng ký giám hộ số 01/2021/TLGH ngày 10/11/2021 của UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T3: Luật sư Nguyễn Lê Thảo N, Chi nhánh Văn phòng L2, Đoàn Luật sư T, Địa chỉ: Số G đường S, khu dân cư L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông Bùi Văn X1, sinh năm 1975, vắng mặt;

4. Bà Huỳnh Tuyết N1, sinh năm 1976, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

5. Bà Trần Hòa H1, sinh năm 1960 (vắng mặt);

6. Ông Thái Huỳnh Thanh T4, sinh năm 1989 (vắng mặt);

7. Bà Thái Huỳnh Mỹ T5, sinh năm 1991 (vắng mặt);

8. Bà Thái Huỳnh Thanh N2, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: số H N, Khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

9. Ông Nguyễn Văn B; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

10. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; trụ sở: thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Huỳnh Thanh Kim H trình bày:

Cha tôi tên Huỳnh Văn T6 (chết ngày 26/10/1996), mẹ tên Hứa Thị Đ (chết ngày 29/02/1999, giấy chứng tử ghi chết ngày 29/02/1998 là không đúng), cha mẹ sinh được 6 người con: Huỳnh Thị K, Huỳnh Thanh Kim H, Thái Hồng H2 (Huỳnh Thanh Kim L), Huỳnh Thanh Bạch T3, Huỳnh Ngọc Bình T1, Huỳnh Thanh Thu C. Đối với ông Thái Hồng H2 (Huỳnh Thanh Kim L) khi cha mẹ sinh ra được khoảng 03 tháng thì cha mẹ cho cô ruột tên Huỳnh Kim C1 và chồng bà C1 tên Thái A nuôi dưỡng, khai sinh tên cha mẹ là Huỳnh Kim C1 và T, đặt tên là Thái Hồng H2 (ông H2 chết năm 2021, có vợ tên Trần Hòa H1, có 03 người con).

Cha mẹ có để lại di chúc ngày 04/12/1994 di chúc này được thực hiện sau khi cha mẹ chết, nội dung di chúc là cha mẹ chia đều nhà đất cho tất cả các anh chị em được thừa hưởng, riêng hai phần đất 13 công và 07 công tại xã V, huyện C do cha mẹ đứng tên thì giao cho ông Huỳnh Ngọc B1 T1 làm chủ để có thu nhập thờ cúng. Sau khi cha mẹ chết tất cả các anh chị em đã thực hiện chia di sản của cha mẹ theo di chúc, các anh chị em đã nhận nhà, đất xong (không tranh chấp), chỉ còn phần đất 13 công và 07 công tại xã V, hai phần đất này cha mẹ đã được cấp quyền sử dụng diện tích tổng cộng 21.691m² (trước đây bà yêu cầu 21.625m² là do cộng nhầm), nhưng hiện nay ông T1 đứng tên 14.100m² và 5.311m², phần đất còn lại không biết lý do gì mà bà N1, ông X1 được cấp quyền sử dụng 2.280m².

Bà thừa nhận có ký tên vào hai Tờ thuận phân ngày 15/11/2002 và ngày

13/11/2001, ông T1 nói bà ký tên để ông T1 đi thừa kiện đối với các phần đất khác của cha mẹ đang có tranh chấp, chứ không phải ký tên thỏa thuận cho ông T1 đứng tên hai phần đất 14.100m² và 5.311m² của cha mẹ. Khi ký tên là tờ giấy trắng, chưa ghi nội dung, ngoài bà còn bà C, bà K ký tên vào tờ thuận phân; ông H2, bà T3 không ký.

Bà yêu cầu:

- Chia di sản thừa kế của cụ T6 và cụ Đ diện tích 21.691m² đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang cho 5 chị em (trong đó ông T1 đứng tên 14.100m² và 5.311m² và bà N1 đứng tên 2.280m² phần đất này trước đây của cha mẹ do bà N1 chiếm dụng), mỗi người hưởng 4.300m², trị giá 129.000.000 đồng (trừ ông H2 cha mẹ đã cho người khác nuôi từ nhỏ).

- Yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W283811, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01469.QSĐĐ/iG do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Ngọc B1 Tâm ngày 26/12/2002, diện tích 14.100 m², thửa đất số 72, 73; tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất: 2L. Đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W283813, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02195.QSĐĐ/iG do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Ngọc B1 Tâm ngày 26/12/2002, diện tích 5.311m², thửa đất số 60, 61; tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất: 2L. Đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.280m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Huỳnh Tuyết N1.

Bà Huỳnh Thanh Thu C trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà H cha Huỳnh Văn T6 (chết ngày 26/10/1996), mẹ tên Hứa Thị Đ (chết ngày 29/02/1999), hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ, di chúc của cha mẹ để lại, bà đã nhận di sản của cha mẹ theo di chúc ngày 04/12/1994. Đối với hai phần đất 13 công và 07 công tại xã V cha mẹ để lại cho ông T1 quản lý thờ cúng. Bà thừa nhận có ký tên vào hai tờ thuận phân ngày 15/11/2002 và 13/11/2001, lý do bà ký vào hai tờ thuận phân là nghe ông T1 nói cho ông T1 đứng tên đất của cha mẹ để cho thuê có thu nhập cúng giỗ cha mẹ, giúp đỡ anh chị em con cháu khi khó khăn và để có chi phí đi kiện đòi các phần đất khác của cha mẹ đang có tranh chấp, nhưng sau đó ông T1 không thực hiện.

Yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là phần đất diện tích 21.691m² tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.311 m², 14.100m² của ông T1 đứng tên và giấy chứng nhận QSĐĐ diện tích 2.280m² tên bà N1.

Bị đơn Huỳnh Ngọc Bình T1 trình bày:

Tôi thống nhất cha tôi tên Huỳnh Văn T6 (chết ngày 26/10/1996), mẹ tên Hứa Thị Đ (chết 29/02/1999), cha mẹ có 06 người con như nguyên đơn trình bày. Riêng ông Thái Hồng H2 chết năm 2022, ông H2 có vợ tên Trần Hòa H1, các con tên Thái Huỳnh Thanh T4, Thái Huỳnh Mỹ T5, Thái Huỳnh Thanh N2, tất cả đều cư trú tại: số H, N, khóm B, phường M, TP ., tỉnh An Giang.

Thống nhất cha mẹ có để lại di chúc ngày 04/12/1994 chia di sản cho các

con như nguyên đơn đã trình bày, sau khi cha mẹ chết thì anh chị em đã phân chia di sản đã được nêu trong tờ di chúc như ý nguyện của cha mẹ để lại. Riêng hai phần đất 13 công và 07 công tại xã V, huyện C do cha mẹ đứng tên thì cha mẹ giao lại cho tôi làm chủ để có thu nhập thờ cúng, hai phần đất này cha mẹ đã được cấp quyền sử dụng năm 1994. Đến ngày 13/11/2001 và ngày 15/11/2002 tất cả 06 anh chị em trong nhà có làm tờ thuận phân thống nhất để lại hai phần đất 14.100m² và 5.311m² cho tôi sử dụng, ngoài ra không có thỏa thuận nào khác. Khi ký tên thì hai tờ thỏa thuận đã có nội dung chứ không phải như bà H, bà C trình bày và cũng không hứa hẹn gì với các anh chị em. Sau đó tôi đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất năm 2002 diện tích 14.100m² và 5.311m². Tôi không đồng ý tất cả các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tôi không biết lý do gì mà bà N1 đứng tên phần đất 2.280m², không có ý kiến đối với việc nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của bà N1.

Phần đất 14.100m² và 5.311m² hiện nay tôi cho ông Nguyễn Văn B thuê, trước đây tôi thế chấp hai phần đất trên cho Ngân hàng N4, nhưng tôi đã tắt toán nợ vào ngày 08/3/2023.

Bà Huỳnh Thị K trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, thống nhất thời gian cha Huỳnh Văn T6 (chết ngày 26/10/1996), mẹ tên Hứa Thị Đ (chết ngày 29/02/1999); bà cũng đã nhận di sản của cha mẹ để lại theo tờ di chúc ngày 04/12/1994. Đối với hai phần đất 13 công và 07 công tại xã V cha mẹ để lại cho ông T1 để thờ cúng. Bà thừa nhận có ký tên vào hai tờ thuận phân ngày 13/11/2001 và ngày 15/11/2002 để cho ông T1 đứng tên hai phần đất, lý do bà đồng ý ký tên vào hai tờ thuận phân là do thấy các anh chị em đã ký tên thì bà ký theo, khi ký thì bà cũng không hỏi lại ông T1. Yêu cầu Tòa án chia di sản của cha mẹ để lại là phần đất 21.691m² theo quy định của pháp luật và hủy các giấy chứng nhận QSDĐ tên ông T1, bà N1.

Ông Phan Huỳnh P giám hộ cho bà Huỳnh Thanh Bạch T3 trình bày (BL 258, 259): Mẹ tôi tên Huỳnh Thanh Bạch T3, mẹ bị bệnh tâm thần từ năm 1983, nhưng điều trị tại Bệnh viện có giấy khám bệnh của bác sĩ từ năm 1997, được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự ngày 29/6/2021. Bà T3 đã nhận 10 công đất do ông bà ngoại chia tại di chúc ngày 04/12/1994. Đối với hai phần đất 13 công và 07 công tại xã V ông bà ngoại không chia mà giao cho ông T1 quản lý để thờ cúng, nhưng ông T1 đã đăng ký để được đứng tên quyền sử dụng đất. Thừa nhận chữ ký tên trong hai tờ thuận phân ngày 15/11/2002 là của bà T3, nhưng khi ký tên bà T3 đã bị bệnh tâm thần, không có nhận thức. Bà T3 yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là phần đất 21.625m².

Các ông, bà Trần Hòa H1, Thái Huỳnh Thanh T4, Thái Huỳnh Mỹ T5, Thái Huỳnh Thanh N2 (vợ con ông Thái Hồng H2) trình bày (BL 300, 301): Ông H2 là con cụ T6, cụ Đ, cha mẹ của ông H2 có làm tờ di chúc phân chia cho ông H2 một phần đất và ông H2 đã nhận xong, ông H2 và các anh chị em đều ký tên vào tờ thuận phân để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất của cha mẹ cho ông T1. Nay các chị em khởi kiện ông T1 đòi chia thêm đất mà ông T1 được chia theo di chúc, chúng tôi nhận thấy nội dung di chúc là ý nguyện của cha mẹ,

do đó gia đình chúng tôi không nhận thêm.

Các đương sự còn lại không ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh Kim H, bà Huỳnh Thanh Thu C đối với các yêu cầu:

- Chia di sản thừa kế của cụ T6 và cụ Đ diện tích đất 21.691m² (trong đó ông Huỳnh Ngọc Bình T1 đứng tên 14.100m², 5.311m² và bà Huỳnh Tuyết N1 đứng tên 2.280m²), đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01469.QSDD/iG do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Ngọc B1 Tân ngày 26/12/2002, diện tích 14.100 m², thửa đất số 72, 73; tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất: 2L. Đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02195.QSDD/iG do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Ngọc B1 Tân ngày 26/12/2002, diện tích 5.311m², thửa đất số 60, 61; tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất: 2L. Đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00890/iG ngày 28/6/2004, thửa 62, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.280m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Huỳnh Tuyết N1.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thanh Thu C cùng luật sư trình bày:

Đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do tại Bút lục 597 thể hiện ông T1 có thể chấp Giấy chứng nhận cho Ngân hàng Q nhưng cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng, không điều tra thu thập các khoản vay của ông T1 có dùng vào mục đích thờ cúng không, không điều tra việc ông T1 đã cho ông Nguyễn Văn B thuê đất, ông T1 có dùng huê lợi có được để dành cho việc thờ cúng hay không, có mâu thuẫn trong các tờ di chúc và tờ thuận phân nhưng cấp sơ thẩm không cho đôi chất để làm rõ, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Về nội dung: Có ba bản di chúc nhưng cấp sơ thẩm chỉ căn cứ bản di chúc ngày 04/12/1994 để giải quyết, nội dung các di chúc thể hiện đây là đất hương hỏa giao cho ông T1 giữ để thờ cúng, phía ông T1 cũng chấp nhận quyền sử dụng đất để thờ cúng theo đúng nội dung các di chúc, Ủy ban cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 là không chính xác cho rằng cụ T6 và cụ Đ là cha mẹ ruột của 5 người con, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án xác định cụ T6, cụ Đ có 06 người con. Như vậy có sự mâu thuẫn liên quan đến các tài liệu chứng cứ trong quá trình cấp Giấy chứng nhận QSD đất. UBND huyện C cấp GCN QSD đất cho cá nhân ông T1 toàn quyền sử dụng là không đúng, thực chất ông T1 chỉ là đại diện đứng tên và là người quản lý di sản dùng để thờ cúng.

Việc cấp GCN cho bà **Huỳnh Thị Tuyết N3** cũng không đúng luật, phần đất này thực chất của cụ **Đ1** đã đăng ký quyền sử dụng, có khả năng ông **T1** chuyển nhượng cho ông **T7** sau đó ông **T7** chuyển nhượng cho bà **N3**.

Bà **Huỳnh Thanh Kim H** thống nhất lời trình bày của luật sư bảo vệ cho bà **C**.

Người giám hộ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà **T3** là ông **Phan Huỳnh P**, cùng luật sư thống nhất trình bày:

Quá trình chữa bệnh, các bệnh án đã thể hiện tại thời điểm ký giấy thuận phân bà **T3** đã mất năng lực hành vi do đó đề nghị vô hiệu một phần giấy thuận phân nói trên.

Bị đơn cùng luật sư thống nhất trình bày:

Tất cả các bản di chúc cùng bản thuận phân di sản đã phù hợp luật định. Không có quy định di sản thờ cúng không được thế chấp. Đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

Về tố tụng:

Hội đồng xét xử, các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ nội dung di chúc, nội dung bản thuận phân đã thể hiện việc ông **T1** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp. Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà **Huỳnh Thanh Kim H**, bà **Huỳnh Thanh Thu C**, bà **Huỳnh Thị K**, ông **Phan Huỳnh P** làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xét cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng và hủy án sơ thẩm.

Về nội dung: Cần đánh giá lại các chứng cứ, lời khai của đương sự đã thể hiện việc ông **T1** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đứng tên đại diện các anh chị em để thờ cúng cha mẹ do đó đề nghị Tòa chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hàng thừa kế: Các đương sự đều thống nhất cụ **Huỳnh Văn T6** (chết ngày 26/10/1996), cụ **Hứa Thị Đ** (chết ngày 29/02/1999) có 06 người con gồm: **Huỳnh Thị K**, **Huỳnh Thanh Kim H**, **Thái Hồng H2** (**Huỳnh Thanh Kim L**), **Huỳnh Thanh Bạch T3**, **Huỳnh Ngọc Bình T1**, **Huỳnh Thanh Thu C**. Ông **Thái Hồng H2** chết năm 2022 có vợ tên **Trần Hòa H1**, các con tên **Thái Huỳnh Thanh T4**, **Thái Huỳnh Mỹ T5**, **Thái Huỳnh Thanh N2** là người thừa kế tiếp theo của cụ **T6**, cụ **Đ**.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại gồm các phần đất diện tích 5.311m², 14.100m² và 2.280m² = 21.691m², yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.311 m², 14.100m² cấp cho ông

T1 và giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 2.280m² cấp cho bà **N3**; bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn có cung cấp Tờ di chúc ngày 04/12/1994 (bản photo) của cụ **Huỳnh Văn T6**, di chúc này không có công chứng, chứng thực nhưng có nhiều người làm chứng. Nội dung di chúc cụ **T6**, cụ **Đ** chia nhà cho bà **H**, bà **C**, ông **T1**; chia 60 công đất cho 6 người con **K**, **H**, **H2**, **T3**, **T1**, **C**; riêng phần đất tại xã **V**, huyện **C** do cụ **T6** đứng tên 13 công, cụ **Đ** đứng tên 07 công thì giao cho ông **T1** làm chủ để có thu nhập thờ cúng. Tuy bản di chúc nguyên đơn cung cấp là bản photo, nhưng các đương sự đều thống nhất di chúc này là của cụ **T6**, cụ **Đ**, sau khi hai cụ chết các di sản trong di chúc đã được phân chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ **T6**, cụ **Đ** xong, chỉ còn hai phần đất 07 công và 13 công nêu trên giao cho ông **T1** quản lý cho thuê.

Các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện ngày 08/9/1992 cụ **T6** có bản kê khai ruộng đất diện tích 14.100m² được Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **C** duyệt ngày 28/9/1994, đến ngày 05/10/1994 cụ **T6** được cấp quyền sử dụng đất số 01469/QSDĐ/iG diện tích 14.100m² (BL 169, 345). Ngày 07/8/1998 cụ **Đ** có bản kê khai ruộng đất phần đất 5.311m², được Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **C** duyệt ngày 11/8/1998, cụ **Đ** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02195/QSDĐ/iG ngày 05/9/1998 diện tích 5.311m² (BL 179, 341). Từ sau khi cụ **T6**, cụ **Đ** được cấp quyền sử dụng thì không có văn bản nào định đoạt 02 phần đất trên.

Sau khi cụ **T6**, cụ **Đ** chết ngày 13/11/2001 và ngày 15/11/2002 các ông bà **K**, **H**, **T3**, **T1**, **C** lập Tờ thuận phân (Thay cho biên bản phân chia tài sản thừa kế) giao cho ông **T1** phần đất 5.311m² và 14.100m², hai tờ thuận phân này đều được Ủy ban nhân dân xã **V** chứng thực, sau đó ông **T1** kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hai phần đất 5.311m² và 14.100m² cùng ngày 26/12/2002. Bà **H**, bà **C**, bà **K**, bà **T3** (do ông **P** giám hộ) đều thừa nhận có ký tên vào Tờ thuận phân ngày 13/11/2001 và ngày 15/11/2002, nhưng cho rằng ông **T1** nói các bà ký tên để ông **T1** đi thừa kiện đối với các phần đất khác của cha mẹ đang có tranh chấp, chứ không phải ký tên thỏa thuận cho ông **T1** đứng tên hai phần đất 14.100m² và 5.311m², khi ký tên là tờ giấy trắng, chưa ghi nội dung. Tuy nhiên lời trình bày của các bà không được ông **T1** thừa nhận, các bà cũng không có chứng cứ chứng minh ông **T1** có sự gian dối trong việc lập hai tờ thuận phân. Đối với bà **T3** có ông **P** giám hộ cho rằng khi ký tên bà **T3** đã bị bệnh tâm thần, không có nhận thức, nhưng đến ngày 29/6/2021 bà **T3** mới được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên không có cơ sở cho rằng khi ký tên vào hai tờ thuận phân bà **T3** không có năng lực hành vi dân sự. Như vậy hai tờ thuận phân trên được các bà **K**, **H**, **T3**, **C** ký tên trên cơ sở tự nguyện, chứng tỏ các bà đã từ bỏ quyền lợi của mình.

Bà **H** cho rằng năm 2002 bà thiếu nợ nhiều người bị kê biên tài sản để thi hành án, thì không lý do gì lại để cho ông **T1** đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, lời trình bày của bà **H** cũng không phải là căn cứ cho rằng ông **T1** lừa dối để bà ký tên vào tờ thuận phân. Đối với ông **H2** (**Huỳnh Thanh Kim L**) không ký tên vào hai tờ thuận phân, nay ông **H2** đã chết, vợ con ông **H2** có ý kiến không tranh chấp.

Từ những chứng cứ nêu trên, xác định sau khi cụ **T6**, cụ **Đ** chết thì các thừa kế của hai cụ đã tự định đoạt phần đất 14.100m² và 5.311m² bằng giấy thuận phân ngày 15 tháng 11 năm 2002 có chứng thực của **UBND xã V**, ông **T1** được cấp quyền sử dụng đất trên cơ sở hai tờ thuận phân. Bà **H**, bà **C** yêu cầu chia thừa kế hai phần đất 14.100m² và 5.311m² và hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông **T1** là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Người kháng cáo cho rằng tại biên bản ngày 14/8/2023 bị đơn thừa nhận chỉ thay mặt đứng tên để thờ cúng, tuy nhiên nội dung biên bản này thể hiện: “... ngày 15/11/2002 tất cả 06 anh chị em thống nhất để lại hai phần đất này cho tôi sử dụng, ngoài ra không có thỏa thuận nào khác”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày quyền sử dụng đất được cấp bị đơn sẽ dùng vào việc thờ cúng như nội dung di chúc của cha mẹ, xét tại bản di chúc ngày 04/9/1994 có nội dung ghi: “.. cho để có thu nhập thờ cúng” (BL 391,392). Tại giấy thuận phân các đồng thừa kế tự định đoạt giao cho ông **T1** được toàn quyền sử dụng đối với các thửa đất tranh chấp, do đó việc dùng vào thờ cúng là sự tự nguyện của ông **T1**, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **T1** là phù hợp các quy định của pháp luật, do đó yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **T1** không có cơ sở xem xét.

[4.2] Đối với phần đất 2.280m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00890/iG ngày 28/6/2004, thửa 62 tờ bản đồ số 3 do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp cho bà **Huỳnh Tuyết N3**.

Về trình tự cấp quyền sử dụng đất cho bà **N3**: Ông **Huỳnh T8** (cha bà **N3** được cấp quyền sử dụng đất số 00890QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 diện tích 12.946m², trong đó có các thửa 191 diện tích 450m², thửa 192 diện tích 700m², thửa 315 diện tích 9.516m², thửa 62 diện tích 2.280m². Sau khi ông **T8** chết, ngày 14/6/2004 vợ con của ông **T8** lập tờ thuận phân chia cho bà **N3** phần đất 3.430m² thuộc các thửa 191, 192, 62 (BL 307-323). Ngoài ra bà **N3** còn chuyển nhượng của bà **Huỳnh Vĩnh T9** 5.966m². Như vậy phần đất 2.280m² không phải là di sản của cụ **T6**, cụ **Đ** để lại mà là của bà **N3** được thừa kế từ ông **Huỳnh T8**. Do đó các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất 2.280m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **N3** là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Do những nhận định nêu trên, kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận.

[5] Do là người cao tuổi, những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các nội dung kháng của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Huỳnh Thanh Kim H** **Huỳnh Thanh Thu C**, **Huỳnh Thị K** và ông **Phan Huỳnh P** là người giám hộ cho bà **Huỳnh**

Thanh Bạch T3, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thanh Kim H**, bà **Huỳnh Thanh Thu C** đối với các yêu cầu:

- Chia di sản thừa kế của cụ **T6** và cụ **Đ** diện tích đất 21.691m² (trong đó ông **Huỳnh Ngọc Bình T1** đứng tên 14.100m², 5.311m² và bà **Huỳnh Tuyết N3** đứng tên 2.280m²), đất tọa lạc tại **xã V, huyện C, tỉnh An Giang**.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01469.QSĐĐ/iG do **UBND huyện C, tỉnh An Giang** cấp cho ông **Huỳnh Ngọc B1** Tân ngày 26/12/2002, diện tích 14.100 m², thửa đất số 72, 73; tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất: 2L. Đất tọa lạc tại **xã V, huyện C, tỉnh An Giang**. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02195.QSĐĐ/iG do **UBND huyện C, tỉnh An Giang** cấp cho ông **Huỳnh Ngọc B1** Tân ngày 26/12/2002, diện tích 5.311m², thửa đất số 60, 61; tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất: 2L. Đất tọa lạc tại **xã V, huyện C, tỉnh An Giang**.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00890/iG ngày 28/6/2004, thửa 62, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.280m² do **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp cho bà **Huỳnh Tuyết N3**.

- Về chi phí tố tụng: bà **Huỳnh Thanh Kim H**, bà **Huỳnh Thanh Thu C** phải chịu 11.362.900đ (đã nộp xong).

- Về án phí sơ thẩm: bà **Huỳnh Thanh Kim H**, bà **Huỳnh Thanh Thu C** không phải chịu. Bà **Huỳnh Thanh Thu C** được nhận lại 3.225.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006866 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

2. Về án phí phúc thẩm: Các bà **Huỳnh Thanh Kim H**, **Huỳnh Thanh Thu C**, **Huỳnh Thị K**, **Huỳnh Thanh Bạch T3** được miễn nộp; hoàn lại cho các bà số tiền tạm ứng đã nộp tại các Biên lai số 0000142, 0000143, 0000144, 0000145 cùng ngày 24/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt

Nguyễn Thị Cúc

Dương Tuấn Vinh

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM
- TAND tỉnh An Giang
- Cục THADS tỉnh An Giang
- Dương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh